

Số: 1501-2024/CBTT-HAH

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM

- Tên tổ chức : CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN
- Mã chứng khoán : HAH
- Địa chỉ : Tầng 7, số 45, Phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 024.39877515
- Fax : 024.39444022
- Email : info@haiants.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

"Báo cáo Tài chính Hợp nhất Quý IV năm 2023" của Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/01/2024 tại đường dẫn www.haiants.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo Tài chính Hợp nhất Quý IV năm 2023

Người được ủy quyền công bố thông tin



Nguyễn Ngọc Minh

Số: 1301 -2024/QHCD-HATS

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2024

BẢN GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH KQKD QUÝ 4 NĂM 2023

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An

Địa chỉ: Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Mã chứng khoán: HAH

Giấy chứng nhận đăng ký doanh số 0103818809 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/05/2009 và cấp thay đổi lần thứ 16 ngày 25/8/2023.

Chúng tôi xin giải trình kết quả kinh doanh Quý 4 năm 2023 biến động tăng/giảm hơn 10% so với cùng kỳ năm 2022 như sau:

| Nội dung | Đơn vị tính | Quý 4.2023 | Quý 4.2022 | Chênh lệch |
|---------------------------------|-------------|-----------------|-----------------|------------|
| BCTC hợp nhất | | | | |
| - Doanh thu thuần | đồng | 664,764,301,616 | 845,365,455,294 | -21.36% |
| - Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ | đồng | 62,973,825,004 | 171,486,516,073 | -63.28% |
| | | | | |
| BCTC công ty mẹ | | | | |
| - Doanh thu thuần | đồng | 285,592,398,701 | 358,145,457,857 | -20.26% |
| - Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ | đồng | 76,579,643,356 | 137,405,920,939 | -44.27% |

Nguyên nhân dẫn đến KQKD quý 4 năm nay giảm 63,28% (BC hợp nhất) và 44,27% (BC công ty mẹ) so với quý 4 năm trước:

+ Giá cước biển giảm, giá cho thuê tàu giảm so với cùng kỳ năm trước dẫn tới lợi nhuận hoạt động khai thác tàu giảm mạnh.

+ Tiếp tục ghi nhận lỗ kinh doanh từ công ty liên doanh Zim Hải An do công ty mới thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 3/2023.

Chúng tôi cam đoan những thông tin giải trình trong bản này là chính xác và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Louán

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN

Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hảo

Hà Nội, tháng 01 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ IV

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | | |
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 1,596,940,785,011 | 1,744,506,986,111 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 245,416,444,931 | 415,481,021,778 |
| 1. Tiền | 111 | | 122,266,444,931 | 290,981,021,778 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 123,150,000,000 | 124,500,000,000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 72,500,000,000 | 140,099,281,797 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2a | 72,500,000,000 | 140,099,281,797 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 1,005,228,758,884 | 978,676,238,299 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 228,020,201,375 | 238,251,488,945 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 439,868,851,874 | 321,203,215,652 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | V.5 | 50,000,000,000 | 50,000,000,000 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.6a | 289,531,373,350 | 371,209,860,938 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.7 | (2,191,667,715) | (1,988,327,236) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 93,300,310,891 | 78,439,535,424 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.8 | 93,300,310,891 | 78,439,535,424 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 180,495,270,305 | 131,810,908,813 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.9a | 19,607,419,688 | 12,365,621,719 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 125,143,567,858 | 101,730,668,217 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | 35,744,282,759 | 17,714,618,877 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 3,772,171,642,062 | 3,304,912,510,965 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 113,018,300,000 | 112,894,400,000 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.6b | 113,018,300,000 | 112,894,400,000 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 3,117,716,025,658 | 2,744,063,079,887 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.10 | 2,868,563,423,715 | 2,406,762,893,450 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 4,197,228,766,663 | 3,450,370,577,585 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (1,328,665,342,948) | (1,043,607,684,135) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | V.11 | 245,994,150,746 | 333,830,175,290 |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | 439,180,122,735 | 439,180,122,735 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | (193,185,971,989) | (105,349,947,445) |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.12 | 3,158,451,197 | 3,470,011,147 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 14,438,287,885 | 14,155,927,885 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (11,279,836,688) | (10,685,916,738) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 231 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 30,167,374,406 | 45,414,706,626 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.13 | 30,167,374,406 | 45,414,706,626 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 168,821,946,260 | 140,466,192,045 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | V.2b | 148,371,079,760 | 120,015,325,545 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.2c | 20,450,866,500 | 20,450,866,500 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 342,447,995,738 | 262,074,132,407 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.9b | 342,447,995,738 | 262,074,132,407 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| 5. Lợi thế thương mại | 269 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 5,369,112,427,073 | 5,049,419,497,076 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 2,182,998,148,829 | 2,162,498,791,622 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 889,268,604,489 | 910,335,413,837 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.14 | 155,471,878,927 | 148,426,643,717 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.15 | 976,415,726 | 1,358,601,123 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.16 | 91,683,974,789 | 117,649,089,139 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 31,759,276,137 | 39,028,845,672 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.17 | 18,766,015,749 | 34,213,271,504 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | V.18 | 4,306,751,216 | 12,487,777,112 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.19a | 108,285,806,938 | 169,312,336,585 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.20a | 351,407,353,871 | 317,706,778,434 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | V.21 | 2,648,342,710 | 2,648,342,710 |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.22 | 123,962,788,426 | 67,503,727,841 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 1,293,729,544,340 | 1,252,163,377,785 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | 711,882,200 | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.19b | 257,625,260,000 | 247,740,000,000 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.20b | 1,035,392,402,140 | 1,004,423,377,785 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 3,186,114,278,244 | 2,886,920,705,454 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.23 | 3,186,114,278,244 | 2,886,920,705,454 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 1,055,168,810,000 | 703,446,670,000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 1,055,168,810,000 | 703,446,670,000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 191,640,648,159 | 191,640,648,159 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 663,573,756,538 | 390,548,782,590 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 752,863,357,219 | 1,025,370,124,082 |
| - LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước | 421a | | 367,962,729,910 | 1,025,370,124,082 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 384,900,627,309 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | 522,867,706,328 | 575,914,480,623 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 5,369,112,427,073 | 5,049,419,497,076 |

Lập, ngày 29 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Hào

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ III

(Dạng đầy đủ)

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này

| CHỈ TIÊU | Mã số Thuyết | Quý 4 năm nay | Quý 4 năm trước | Năm nay | Năm trước |
|--|--------------|------------------|-----------------|-------------------|-------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1 VI.1 | 664,764,301,616 | 845,365,455,294 | 2,612,689,733,658 | 3,205,610,066,164 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 2 | | | | |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | 664,764,301,616 | 845,365,455,294 | 2,612,689,733,658 | 3,205,610,066,164 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 VI.2 | 551,616,816,677 | 574,489,804,568 | 2,001,669,157,746 | 1,783,865,288,872 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | 113,147,484,939 | 270,875,650,726 | 611,020,575,912 | 1,421,744,777,292 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 VI.3 | 6,941,891,534 | 43,875,425,312 | 30,087,417,514 | 38,702,889,553 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 VI.4 | 24,305,764,334 | 52,468,235,328 | 83,670,942,449 | 76,323,593,746 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | 16,769,888,733 | 20,821,776,049 | 73,417,916,473 | 37,775,314,140 |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | 6,726,560,864 | (188,941,016) | 28,355,754,215 | 29,339,272,188 |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | | | | |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 VI.5 | 33,297,720,833 | 31,613,925,297 | 125,332,377,450 | 113,764,933,866 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | 69,212,452,170 | 230,479,974,397 | 460,460,427,742 | 1,299,698,411,421 |
| 12. Thu nhập khác | 31 VI.6 | 7,149,623,860 | 1,721,116,863 | 14,143,023,915 | 5,603,455,788 |
| 13. Chi phí khác | 32 VI.7 | 9,976,565,384 | 469,921,613 | 11,153,674,709 | 32,885,613,998 |
| 14. Lợi nhuận khác | 40 | (2,826,941,524) | 1,251,195,250 | 2,989,349,206 | (27,282,158,210) |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | 66,385,510,646 | 231,731,169,647 | 463,449,776,948 | 1,272,416,253,211 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 V.14 | 13,827,252,721 | 42,199,639,911 | 92,218,506,619 | 231,623,019,508 |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | | | |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | 52,558,257,925 | 189,531,529,736 | 371,231,270,329 | 1,040,793,233,703 |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | 62,973,825,004 | 171,486,516,073 | 384,900,627,309 | 821,937,122,836 |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | (10,415,567,079) | 18,045,013,663 | (13,669,356,980) | 218,856,110,867 |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 VI.8 | 545 | 2,037 | 3,367 | 7,471 |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 VI.8 | 545 | 2,037 | 3,367 | 7,471 |

Lập, ngày 29 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Trần Thị Thanh Hào



Trần Thị Thanh Hào



Nguyễn Ngọc Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT QUÝ IV

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|----------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 463,449,776,948 | 1,272,416,253,211 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | | 334,555,244,927 | 278,066,256,436 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | 203,340,479 | (57,767,079) |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | VI.9 | 2,610,517,193 | 13,540,702,178 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (22,096,076,338) | (25,194,563,826) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.4 | 73,417,916,473 | 57,167,219,413 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 852,140,719,683 | 1,595,938,100,333 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 63,168,625,503 | (322,175,529,880) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (14,860,775,467) | (30,019,901,157) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 358,521,802,227 | 332,960,334,249 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (87,615,661,300) | (7,558,190,204) |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (75,016,070,945) | (55,579,474,333) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.14 | (139,738,337,984) | (209,255,547,886) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | 0 | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | V.20 | (14,139,302,400) | (9,591,441,000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 942,460,999,317 | 1,294,718,350,122 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (866,018,761,338) | (1,603,780,909,743) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 1,838,363,635 | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | V.2a | 67,599,281,797 | (429,550,328,521) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | 363,824,027,151 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | V.2b | - | (17,000,000,000) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 20,649,914,488 | 25,219,332,244 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (775,931,201,418) | (1,661,287,878,869) |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|-------------|---|-------------------------|
| | | | Năm nay | Năm nay |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | V.21 | 22,593,900,000 | 20,488,500,000 |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.18 | 515,649,938,722 | 716,284,525,841 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.18 | (368,621,644,653) | (292,538,213,929) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | (91,395,978,489) | (76,445,954,186) |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | V.21 | (415,112,340,000) | (68,559,959,300) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (336,886,124,420) | 299,228,898,426 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (170,356,326,521) | (67,340,630,321) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 415,481,021,778 | 484,732,416,770 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 291,749,674 | (1,910,764,671) |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 245,416,444,931 | 415,481,021,778 |

Lập, ngày 29 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Vận tải, bốc xếp hàng hóa cảng biển và các dịch vụ liên quan đến vận tải.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 06 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Ngày 04 tháng 8 năm 2022, Công ty TNHH Cảng Hải An – Công ty con mua thêm 10% vốn của Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An, tăng tỷ lệ vốn nắm giữ tại công ty này lên 60%. Mục đích của việc mua thêm vốn của Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An là mở rộng hoạt động và hoàn thiện chuỗi cung ứng của Tập đoàn.

Trong kỳ, Công ty đã tham gia góp vốn thành lập Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An với tỷ lệ góp vốn là 51% vốn điều lệ.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ lợi ích | | Tỷ lệ quyền biểu quyết | |
|--|---|----------------------------|---------------|------------|------------------------|------------|
| | | | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Công ty TNHH Cảng Hải An | Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng | Cung cấp dịch vụ cảng biển | 100% | 100% | 100% | 100% |
| Công ty TNHH Vận tải Container Hải An | Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng | Dịch vụ vận tải | 54,85% | 54,85% | 54,85% | 54,85% |
| Công ty TNHH Pan Hải An | Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng | Dịch vụ khai thác Depot | 51% | 51% | 51% | 51% |
| Công ty TNHH đại lý và tiếp vận Hải An (i) | Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố | Dịch vụ đại lý | 60% | 60% | 60% | 60% |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ lợi ích | | Tỷ lệ quyền biểu quyết | |
|---|--|-----------------------------|---------------|------------|------------------------|------------|
| | | | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Công ty Cp dịch vụ tổng hợp Hải An (ii) | Hải Phòng Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng | Dịch vụ bốc xếp, vận tải bộ | 40,82% | 40,82% | 68,03% | 68,03% |
| Công ty TNHH liên doanh Zim Hải An | Tầng 2 tòa nhà Đinh Vũ Plaza thuộc Khu dịch vụ cuối tuyến Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, Quận Hải An, thành phố Hải Phòng | Dịch vụ vận tải | 51% | | 51% | |

(i) Là công ty con của Công ty con – Công ty TNHH Cảng Hải An từ tháng 8/2022.

(ii) Là công ty con của Công ty TNHH đại lý và tiếp vận Hải An.

5c. Danh sách các Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ lợi ích | | Tỷ lệ quyền biểu quyết | |
|--|--|----------------------------|---------------|------------|------------------------|------------|
| | | | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An | Văn phòng 3B, tầng 3, tòa nhà Green Pearl, số 378 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. | Dịch vụ vận tải hàng hóa | 36,16% | 36,89% | 36,16% | 36,89% |
| Công ty Cổ phần vận tải biển An Biên (*) | Lô đất KB2.11, khu công nghiệp MP Đinh Vũ, P.Đông Hải 2, Q.Hải An, TP.Hải Phòng, VN | Dịch vụ vận tải | 17,17% | 17,17% | 34% | 34% |

(*) Là Công ty liên kết của Công ty con – Công ty TNHH vận tải Container Hải An

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 600 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 580 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định đối với nguyên vật liệu, hàng hóa; bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền từng lần nhập xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu. Các chi phí trả

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm trả trước thể hiện khoản tiền phí bảo hiểm đã trả cho các kỳ sau. Chi phí bảo hiểm trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (498 tháng).

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5-20 |
| Máy móc và thiết bị | 3-10 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6-15 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3-8 |
| Tài sản cố định khác | 4-10 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính là container là 05 năm.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| Tiền mặt | 4,717,598,500 | 4,966,014,297 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 117,548,846,431 | 286,015,007,481 |
| Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) | 123,150,000,000 | 124,500,000,000 |
| Cộng | 245,416,444,931 | 415,481,021,778 |

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

| | Số cuối kỳ | | | Số đầu năm | | |
|--|-----------------------|-------------------------------------|------------------------|-----------------------|-------------------------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư | Cộng | Giá gốc | Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư | Cộng |
| Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An (i) | 1,494,000,000 | 32,185,376,357 | 33,679,376,357 | 1,494,000,000 | 28,753,878,905 | 30,247,878,905 |
| Công ty Cổ phần vận tải biển An Biên (ii) | 85,000,000,000 | 29,691,703,403 | 114,691,703,403 | 85,000,000,000 | 4,767,446,640 | 89,767,446,640 |
| Cộng | 86,494,000,000 | 61,877,079,760 | 148,371,079,760 | 86,494,000,000 | 33,521,325,545 | 120,015,325,545 |

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0108111428 thay đổi lần thứ 6 ngày 09/08/2023, Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An là 42.965.000.000 VND, tương ứng 4.296.500 cổ phần. Công ty sở hữu 1.553.760 cổ phần của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An (HAFC), chiếm 36,16% vốn điều lệ của Công ty này.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0202133595 thay đổi lần đầu ngày 14 tháng 01 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty Cổ phần Vận tải Biển An Biên có vốn điều lệ là 250.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty TNHH vận tải container Hải An đã đầu tư 85.000.000.000 VND, sở hữu 8.500.000 cổ phần, tương đương 34% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vận tải Biển An Biên.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

| | Giá trị phần sở hữu đầu năm | Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ | Cổ tức, lợi nhuận được chia trong kỳ | Điều chỉnh ghi nhận lãi liên kết | Giá trị phần sở hữu cuối kỳ |
|--|-----------------------------|---------------------------|--------------------------------------|----------------------------------|-----------------------------|
| Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An | 30,247,878,905 | 6,419,497,452 | (2,988,000,000) | | 33,679,376,357 |
| Công ty Cổ phần vận tải biển An Biên | 89,767,446,640 | 29,691,703,403 | - | (4,767,446,640) | 114,691,703,403 |
| Cộng | 120,015,325,545 | 36,111,200,855 | (2,988,000,000) | (4,767,446,640) | 148,371,079,760 |

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên kết như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|-----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Công ty Cổ phần vận tải biển An Biên | | |
| Cung cấp dịch vụ cho cty liên kết | 18,324,123,250 | 24,649,356,079 |
| Công ty liên kết cung cấp dịch vụ | | 38,652,085,953 |
| Góp vốn vào Công ty liên kết | | 17,000,000 |
| Nhận góp vốn BCC | | 13,000,000,000 |
| Góp vốn BCC vào công ty liên kết | | 106,410,150,000 |
| Công ty liên kết cho vay tiền | 25,000,000,000 | |
| Nhận lợi nhuận BCC | 45,551,373,836 | 33,313,351,229 |
| Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An | | |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết | 97,872,580,513 | 185,541,197,737 |
| Công ty liên kết cung cấp dịch vụ | 6,445,630,983 | 15,168,193,946 |
| Nhận góp vốn BCC | 9,885,260,000 | 8,440,000,000 |
| Chi trả lợi nhuận BCC | 11,492,203,539 | 19,972,012,296 |
| Công ty liên kết chia lợi nhuận | 2,988,000,000 | 1,045,800,000 |

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|----------------|----------------|
| | Giá gốc | Giá gốc |
| | Dự phòng | Dự phòng |
| Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức ⁽ⁱ⁾ | 20,000,000,000 | 20,000,000,000 |
| Công ty Cổ phần Cung ứng thuyền viên Đông Đô ⁽ⁱⁱ⁾ | 450,000,000 | 450,000,000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | | |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải | 864,000 | 864,000 |
| Công ty Cổ phần MHC | 2,500 | 2,500 |
| Cộng | 20,450,866,500 | 20,450,866,500 |

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105430472 thay đổi lần thứ 11 ngày 02/11/2021 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp với số vốn điều lệ 120.000.000.000 VND, Tập đoàn đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức số tiền 20.000.000.000 VND, tương ứng 16,67% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201796751 ngày 03 tháng 7 năm 2017 thay đổi lần thứ nhất ngày 24 tháng 5 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty Cổ phần Cung ứng Thuyền viên Đông Đô có vốn điều lệ 3.500.000.000 VND, tương đương 350.000 cổ phần. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn sở hữu 63.000 cổ phần, tương đương 18% vốn điều lệ của Công ty này, không biến động so với số đầu năm.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| Phải thu các bên liên quan | 25,274,038,701 | 44,960,584,702 |
| Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An | 16,172,936,363 | 32,964,369,875 |
| Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức | 987,666,183 | 2,158,186,705 |
| Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng | 4,762,625,398 | 9,838,028,122 |
| Công ty CP vận tải biển An Biên | 3,350,810,757 | |
| Phải thu các khách hàng khác | 202,746,162,674 | 193,290,904,243 |
| OCEAN NETWORK EXPRESS PTE. LTD., | 13,756,978,179 | 14,183,505,805 |
| Megatop Agency Limited | 9,846,595,662 | 7,584,991,931 |
| Công ty TNHH Hapag-Lloyd Việt Nam | 19,404,696,182 | 27,413,613,734 |
| CÔNG TY TNHH SCG INTERNATIONAL VIỆT NAM | | 1,436,325,600 |
| Công Ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Đông Á | 5,931,210,024 | 6,339,070,988 |
| HMM CO., LTD | 240,800,000 | 397,923,180 |
| APL Logistics Ltd | 3,901,517,783 | 4,943,375,139 |
| ZIM INTEGRATED SHIPPING AGENCIES (HK) LTD | 8,438,867,428 | |
| GOLD STAR LINE LIMITED | 17,834,334,000 | |
| Các khách hàng khác | 123,391,163,416 | 130,992,097,866 |
| Cộng | 228,020,201,375 | 238,251,488,945 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| <i>Trả trước cho các bên liên quan</i> | - | - |
| <i>Trả trước cho người bán khác</i> | 439,868,851,874 | 321,203,215,652 |
| Công ty TNHH Thương mại Tân Hồng | | 11,659,791,000 |
| Huanghai Shipbuilding Co., Ltd. | 434,925,760,600 | 304,051,069,400 |
| ASL Shipyard Pte Ltd | | 1,181,056,000 |
| Các nhà cung cấp khác | 4,943,091,274 | 4,311,299,252 |
| Cộng | 439,868,851,874 | 321,203,215,652 |

5. Phải về cho vay ngắn hạn

Là khoản cho Ông Lê Phong Hiếu vay để nộp tiền thuê đất 1 lần cho Dự án "Bãi container và dịch vụ cảng" tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu mà hiện nay hai bên đang hợp tác.

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | 72,258,218,254 | 73,542,425,666 |
| Công ty cổ phần đầu tư Sao Á D.C - Kết quả hoạt động BCC | | 17,853,745,525 |
| Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức – Kết quả hoạt động BCC (*) | | 1,788,831,231 |
| Công ty Cổ Phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà – Kết quả hoạt động BCC (*) | | 3,569,020,767 |
| Công ty Cổ phần vận tải biển An Biên – Kết quả hoạt động BCC | 72,118,465,223 | 50,026,265,182 |
| Công ty CP giao nhận vận tải Hải An | | |
| Các khoản chi hộ | 139,753,031 | 304,562,961 |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | 217,273,155,096 | 297,667,435,272 |
| Lãi tiền gửi dự thu | 141,147,946 | |
| Đặt cọc để chuyển nhượng dự án (*) | 124,529,026,376 | 124,423,676,376 |
| Ký cược, ký quỹ | 3,511,053,440 | 11,828,370,000 |
| Tạm ứng | 4,592,598,778 | 1,070,895,906 |
| Tạm tính doanh thu | 6,392,173,714 | 22,230,090,244 |
| Sự cố tàu HA City | 73,925,261,495 | 133,976,708,530 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 4,181,893,347 | 4,137,694,216 |
| Cộng | 289,531,373,350 | 371,209,860,938 |

(*) Là khoản đặt cọc cho Ông Lê Phong Hiếu và Bà Đỗ Thị Hải Yến theo Hợp đồng đặt cọc số 01/HĐĐC ngày 06 tháng 12 năm 2017 và Phụ lục hợp đồng đặt cọc số 01/PLHĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 để tiến tới ký kết hợp đồng nhận chuyển nhượng 90% quyền đầu tư Dự án "Bãi container và dịch vụ cảng" tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Dự án "Bãi container và dịch vụ cảng" đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho phép chuyển hình thức từ thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê còn lại với diện tích 310.507,9 m² theo Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

và cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BN 981472 ngày 29/05/2020.

6b. Phải thu dài hạn khác

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| Phải thu các bên liên quan | 112,820,400,000 | 112,820,400,000 |
| Công ty CP vận tải biển An Biên - Tiền góp vốn hợp tác kinh doanh (*) | 112,820,400,000 | 112,820,400,000 |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 197,900,000 | 74,000,000 |
| Ký cược, ký quỹ | 197,900,000 | 74,000,000 |
| Cộng | 113,018,300,000 | 112,894,400,000 |

7. Nợ xấu

| | Số cuối kỳ | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Số đầu năm | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
|---|----------------------|----------------------|------------------------|-------------------|----------------------|------------------------|
| | Thời gian quá hạn | | | Thời gian quá hạn | | |
| Các bên liên quan | | | | | | |
| Các tổ chức và cá nhân khác | - | 2,339,719,355 | 148,051,640 | - | 1,988,327,236 | - |
| Công ty TNHH Vận tải Hưng Thịnh - phải thu cung cấp dịch vụ | trên 3 năm | 65,089,486 | - | trên 3 năm | 65,089,486 | - |
| Công ty TNHH Vận tải Thương mại Hoàng Gia - phải thu cung cấp dịch vụ | trên 3 năm | 99,744,126 | - | trên 3 năm | 99,744,126 | - |
| Navigator Marine Corp | trên 3 năm | 1,875,682,463 | - | trên 3 năm | 1,823,493,624 | - |
| CÔNG TY TNHH VẬN TẢI THƯƠNG MẠI & XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HUY | Từ 6 tháng đến 1 năm | 296,103,280 | 148,051,640 | - | - | - |
| CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HÀ TRUNG | trên 3 năm | 1,100,000 | - | - | - | - |
| Phạm Trường Giang | trên 3 năm | 2,000,000 | - | - | - | - |
| Cộng | | 2,339,719,355 | 148,051,640 | | 1,988,327,236 | - |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 1,988,327,236 | 2,046,094,315 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 203,340,479 | 59,978,218 |
| Hoàn nhập dự phòng | - | (117,745,297) |
| Số cuối năm | 2,191,667,715 | 1,988,327,236 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Hàng tồn kho

| | Số cuối kỳ | Dự phòng | Số đầu năm | Dự phòng |
|-------------------------------------|-----------------------|-------------|-----------------------|-------------|
| | Giá gốc | | Giá gốc | |
| Nguyên liệu, vật liệu | 90,936,845,731 | | 77,869,064,618 | |
| Công cụ, dụng cụ | 658,606,160 | | 570,470,806 | |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 1,704,859,000 | | | |
| Cộng | 93,300,310,891 | | 78,439,535,424 | |

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Bảo hiểm chờ phân bổ | 5,018,218,447 | 4,654,097,541 |
| Chi phí đầu nhàn | 6,418,121,988 | 5,919,311,413 |
| Công cụ dụng cụ | 201,722,734 | 985,337,518 |
| Phí đường bộ | - | 89,049,500 |
| Chi phí thuê văn phòng | - | 80,000,000 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 7,969,356,519 | 637,825,747 |
| Cộng | 19,607,419,688 | 12,365,621,719 |

9b. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí lên đà tàu | 124,261,670,266 | 44,009,411,043 |
| Công cụ dụng cụ | 11,264,069,913 | 9,215,239,517 |
| Tiền thuê đất (*) | 200,337,437,256 | 206,007,364,728 |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 6,584,818,303 | 2,842,117,119 |
| Cộng | 342,447,995,738 | 262,074,132,407 |

(*) Công ty TNHH Pan Hải An thuê đất diện tích 154.000 m2 trong Khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ của Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Đình Vũ (nay đổi tên thành "Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Sao Đỏ") theo hợp đồng số 05.HĐTD/2017 ký ngày 25 tháng 10 năm 2017 để đầu tư xây dựng và kinh doanh kho bãi container cùng các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đầu tư, tổng giá trị hợp đồng chưa bao gồm thuế GTGT 10% là 235.301.990.000 VND, thời hạn thuê từ ngày ký hợp đồng đến ngày 06 tháng 5 năm 2059, tiền thuê đã được thanh toán toàn bộ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tài sản cố định hữu hình**

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------------|---------------------------|-----------------------|--------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số đầu năm | 462,879,710,735 | 354,702,713,161 | 2,587,743,167,572 | 5,381,241,899 | 39,663,744,218 | 3,450,370,577,585 |
| Mua trong năm, đầu tư XDCB hoàn thành | 73,173,517,322 | 10,730,817,702 | 663,276,113,998 | 2,928,593,336 | - | 750,109,042,358 |
| Cộng dư đầu cty con | - | - | - | - | - | - |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | (3,250,853,280) | - | - | (3,250,853,280) |
| Số cuối kỳ | 536,053,228,057 | 365,433,530,863 | 3,247,768,428,290 | 8,309,835,235 | 39,663,744,218 | 4,197,228,766,663 |
| Giá trị hao mòn | | | | | | |
| Số đầu năm | 192,196,420,839 | 284,530,758,937 | 544,365,269,081 | 3,913,642,144 | 18,601,593,134 | 1,043,607,684,135 |
| Khấu hao trong năm | 27,407,770,322 | 24,462,672,548 | 232,715,880,473 | 1,002,522,412 | 2,186,316,607 | 287,775,162,362 |
| Cộng dư đầu cty con | - | - | - | - | - | - |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | (2,717,503,549) | - | - | (2,717,503,549) |
| Số cuối kỳ | 219,604,191,161 | 308,993,431,485 | 774,363,646,005 | 4,916,164,556 | 20,787,909,741 | 1,328,665,342,948 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số đầu năm | 270,683,289,896 | 70,171,954,224 | 2,043,377,898,491 | 1,467,599,755 | 21,062,151,084 | 2,406,762,893,450 |
| Số cuối kỳ | 316,449,036,896 | 56,440,099,378 | 2,473,404,782,285 | 3,393,670,679 | 18,875,834,477 | 2,868,563,423,715 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Là các lô container 20' và 40' được Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (Công ty con) thuê mua.

| | Nguyên giá | Hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
|-------------------------|-----------------|-----------------|------------------|
| Số đầu năm | 439,180,122,735 | 105,349,947,445 | 333,830,175,290 |
| Thuê tài chính trong kỳ | | | |
| Số khấu hao trong kỳ | | 87,836,024,544 | (87,836,024,544) |
| Số cuối kỳ | 439,180,122,735 | 193,185,971,989 | 245,994,150,746 |

12. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Chương trình phần mềm máy tính | Cộng |
|---------------------|-------------------|--------------------------------|----------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 4,945,015,236 | 9,210,912,649 | 14,155,927,885 |
| Mua trong năm | - | 282,360,000 | 282,360,000 |
| Cộng dư đầu cty con | | - | - |
| Số cuối kỳ | 4,945,015,236 | 9,493,272,649 | 14,438,287,885 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 2,674,076,469 | 8,011,840,269 | 10,685,916,738 |
| Cộng dư đầu cty con | | - | - |
| Khấu hao trong năm | 141,286,152 | 452,633,798 | 593,919,950 |
| Số cuối kỳ | 2,815,362,621 | 8,464,474,067 | 11,279,836,688 |
| Cộng dư đầu cty con | | | |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 2,270,938,767 | 1,199,072,380 | 3,470,011,147 |
| Số cuối kỳ | 2,129,652,615 | 1,028,798,582 | 3,158,451,197 |

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển vào TSCĐ trong năm | Kết chuyển giảm khác | Số cuối kỳ |
|------------------------------|----------------|-----------------------------|-------------------------------|----------------------|----------------|
| Mua sắm tài sản cố định | 2,843,920,474 | 680,630,650,208 | (672,158,919,825) | - | 11,315,650,857 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 20,386,725,141 | 52,969,839,319 | (73,173,517,322) | - | 183,047,138 |
| Sửa chữa lớn tài sản cố định | 22,184,061,011 | 132,229,171,947 | - | (135,744,556,547) | 18,668,676,411 |
| Cộng | 45,414,706,626 | 865,829,661,474 | (745,332,437,147) | (135,744,556,547) | 30,167,374,406 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 7,985,704,703 | 17,388,564,134 |
| Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An | 309,874,372 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà | 188,338,523 | 302,856,782 |
| Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức | 252,317,720 | 6,397,035,123 |
| Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng | 23,337,720 | 49,725,000 |
| Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa Phương Thức | 6,655,779,700 | 5,759,974,480 |
| Công ty Cổ phần Cung ứng thuyền viên Đông Đô | 556,056,668 | 4,878,972,749 |
| Phải trả các nhà cung cấp khác | 147,486,174,224 | 131,038,079,583 |
| Công ty liên doanh phát triển tiếp vận số 1 (Cảng VICT) | 9,646,078,233 | 6,580,605,650 |
| Triton Container International Limited-Colle | 1,787,362,071 | 2,287,801,944 |
| Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng | 3,524,973,676 | 2,494,260,809 |
| PT INDOFUELS LIMITED | 18,714,095,572 | 2,828,333,138 |
| BMS United Bunkers (Asia) Limited | - | 26,614,245,290 |
| Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Vosco | 3,377,129,730 | 8,770,802,796 |
| BEN LINE AGENCIES SINGAPORE PTE., LTD | - | 25,212,439,376 |
| Các nhà cung cấp khác | 110,436,534,942 | 56,249,590,580 |
| Cộng | 155,471,878,927 | 148,426,643,717 |

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|--------------------|----------------------|
| Trả trước của các bên liên quan | - | - |
| Trả trước của các khách hàng khác | 976,415,726 | 1,358,601,123 |
| Các khách hàng khác | 976,415,726 | 1,358,601,123 |
| Cộng | 976,415,726 | 1,358,601,123 |

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong năm | | Số cuối kỳ | |
|----------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|--------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã nộp | Phải nộp | Phải thu |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 1,712,274,962 | - | 33,936,470,530 | (32,571,376,171) | 3,077,369,321 | - |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | - | 51,557,397,110 | (51,557,397,110) | - | - |
| Thuế xuất, nhập khẩu | - | - | 419,068,029 | (419,068,029) | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 112,529,289,070 | 17,714,618,877 | 97,399,058,111 | (139,738,337,984) | 81,520,064,258 | 35,744,068,142 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 3,407,525,107 | - | 12,269,587,707 | (12,427,616,144) | 3,249,711,288 | 214,617 |
| Thuế bảo vệ môi trường | - | - | 458,261,000 | (458,261,000) | - | - |
| Tiền thuế đất | - | - | 2,113,470,323 | (2,113,470,323) | - | - |
| Các loại thuế khác | - | - | 7,848,306,414 | (4,011,476,492) | 3,836,829,922 | - |
| Cộng | 117,649,089,139 | 17,714,618,877 | 206,001,619,224 | (243,297,003,253) | 91,683,974,789 | 35,744,282,759 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

| | |
|---|--------|
| Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển, cước cho thuê tàu chạy tuyến nước ngoài | 0% |
| Cung cấp nước ngọt | 5% |
| Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác | 8%-10% |

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Hoạt động khai thác cảng của Công ty mẹ được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (từ năm 2011 đến năm 2025) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm (từ năm 2011 đến năm 2014), giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2015 đến năm 2023) theo Điểm 1.3 Mục III Phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 6388338018 ngày 09 tháng 10 năm 2017 do Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp, Công ty TNHH Pan Hải An nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động dịch vụ kho bãi và lưu giữ, bốc xếp hàng hóa với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư mới có doanh thu (từ năm 2018 đến năm 2032), được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án đầu tư mới, trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư thì thời gian miễn thuế tính từ năm thứ tư (từ năm 2021 đến năm 2024) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2025 đến năm 2033)

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 92,218,506,619 | 231,623,019,508 |
| Thuế TNDN các bên hợp tác kinh doanh nộp hộ | (18,431,957,445) | (11,793,900,087) |
| Thuế TNDN phải nộp hộ các bên hợp tác kinh doanh | 23,612,508,937 | 37,265,302,841 |
| Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 97,399,058,111 | 257,094,422,262 |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuế đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | - | - |
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | 18,766,015,749 | 34,213,271,504 |
| Chi phí khai thác tàu | 9,474,956,914 | 10,183,348,458 |
| Chi phí lãi vay phải trả | 6,822,761,054 | 8,420,915,526 |
| Chi phí mua đầu | - | 14,586,892,800 |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 2,468,297,781 | 1,022,114,720 |
| Cộng | 18,766,015,749 | 34,213,271,504 |

18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là doanh thu nhận trước tiền cho thuê tàu.

19. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

19a. Phải trả ngắn hạn khác

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | 76,170,255,187 | 134,126,651,806 |
| Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức - lãi hợp tác kinh doanh | 26,622,682,295 | 58,587,552,018 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà - lãi hợp tác kinh doanh | 35,216,065,701 | 55,087,087,492 |
| Công ty cổ phần giao nhận vận tải Hải An -lãi hợp tác kinh doanh | 11,492,203,539 | 19,972,012,296 |
| Công ty cổ phần đầu tư Sao Á D.C-lãi hợp tác kinh doanh | 2,299,303,652 | |
| Thù lao HDQT, BKS | 540,000,000 | 480,000,000 |
| <i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i> | 32,115,551,751 | 35,185,684,779 |
| Các khoản thu hộ SM Line Corporation | 20,948,484,834 | 28,409,241,900 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 5,258,058,000 | 4,510,881,000 |
| Kinh phí công đoàn | 672,530,830 | 369,430,587 |
| BHXH, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | - | 43,253,337 |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 76,845,600 | 667,045,600 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 5,159,632,487 | 1,185,832,355 |
| Cộng | 108,285,806,938 | 169,312,336,585 |

19b. Phải trả dài hạn khác

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | 187,625,260,000 | 177,740,000,000 |
| Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức - phải trả về góp vốn BCC | 82,200,000,000 | 82,200,000,000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà - phải trả về góp vốn BCC | 77,100,000,000 | 77,100,000,000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | | |
|--|------------------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An - phải trả về góp vốn BCC | 28,325,260,000 | 18,440,000,000 |
| Phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 70,000,000,000 | 70,000,000,000 |
| Công ty Cổ phần đầu tư Sao Á D.C | 50,000,000,000 | 50,000,000,000 |
| Công ty Cổ phần vận tải biển An Biên | 20,000,000,000 | 20,000,000,000 |
| Cộng | 257,625,260,000 | 247,740,000,000 |

Là khoản phải trả các bên về vốn hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh sau:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 48/HĐHTKD ngày 18 tháng 4 năm 2017 về hợp tác góp vốn kinh đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho Công ty TNHH Vận tải Container Hải An – Công ty con (“bên kiểm soát”) và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Thời gian hợp tác là 05 năm kể từ ngày được đại diện theo ủy quyền đầy đủ của các bên ký hợp đồng.

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 66/HĐHTKD ngày 08 tháng 5 năm 2019 về hợp tác góp vốn đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container thì Công ty mẹ là “Bên kiểm soát”. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Thời gian hợp tác là 05 năm kể từ ngày được đại diện theo ủy quyền đầy đủ của các bên ký hợp đồng.

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 68/HĐHTKD về hợp tác góp vốn đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container thì Công ty mẹ là “Bên kiểm soát”. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành.

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0101-2021/HĐHTKD ngày 11 tháng 01 năm 2021 về hợp tác góp vốn kinh đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho Công ty TNHH Vận tải Container Hải An – Công ty con (“bên kiểm soát”) và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Thời gian hợp tác là 05 năm kể từ ngày được đại diện theo ủy quyền đầy đủ của các bên ký hợp đồng.

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02-2021/HĐHTKD về hợp tác góp vốn đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container thì Công ty mẹ là “Bên kiểm soát”. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành.

- Hợp đồng BCC số 03-2021 HĐHTKD ngày 25 tháng 11 năm 2021 về hợp tác góp vốn đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container thì Công ty mẹ là “Bên kiểm soát”. Các bên cam kết

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành.

- Hợp đồng BCC số 02-2022 HĐHTKD ngày 15 tháng 9 năm 2022 về hợp tác góp vốn đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container thì Công ty mẹ là “Bên kiểm soát”. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành.

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------|------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 70,380,344,181 | 56,520,339,315 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hồng Bàng | 10,638,516,179 | - |
| Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam), Chi nhánh Hà Nội | 59,741,828,002 | 27,107,033,336 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng | - | 29,413,305,979 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 187,833,403,250 | 167,536,408,207 |
| Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính | 10,063,160,000 | 10,063,160,000 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng | 168,002,243,250 | 147,969,248,207 |
| Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch I Pantos Holdings Inc | - | - |
| | 9,768,000,000 | 9,504,000,000 |
| Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả | 93,193,606,440 | 93,650,030,912 |
| Công ty BEACON INTERMODAL LEASING | - | 30,791,454,750 |
| CAI INTERNATIONAL, INC | 45,081,859,680 | 13,992,252,120 |
| SEACUBE CONTAINERS | 13,192,074,720 | 13,870,090,080 |
| SEACO GLOBAL LIMITED | 14,023,282,680 | 14,745,763,862 |
| Công ty Cổ Phần Đầu Tư Sao Á D.C | 20,896,389,360 | 20,250,470,100 |
| Cộng | 351,407,353,871 | 317,706,778,434 |

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

| | <u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u> | <u>Vay dài hạn đến hạn trả</u> | <u>Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả</u> | <u>Cộng</u> |
|-----------------------------|-------------------------------|--------------------------------|--|-----------------|
| Số đầu năm | 56,520,339,315 | 167,536,408,207 | 93,650,030,912 | 317,706,778,434 |
| Số tiền vay phát sinh trong | 163,085,226,357 | - | - | 163,085,226,357 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

năm

| | | | | |
|------------------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| Số kết chuyển từ vay và nợ dài hạn | - | 239,693,418,205 | 88,579,195,968 | 328,272,614,173 |
| Số tiền vay đã trả trong năm | (154,146,221,491) | (214,475,423,162) | (91,395,978,489) | (460,017,623,142) |
| Tăng giảm cho chênh lệch tỷ giá | - | - | 2,360,358,049 | 2,360,358,049 |
| Số cuối kỳ | 65,459,344,181 | 192,754,403,250 | 93,193,606,440 | 351,407,353,871 |

20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 863,496,472,693 | 750,161,178,533 |
| Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội Sở chính (i) | 5,031,570,000 | 15,094,730,000 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (iii) | 813,116,690,328 | 716,058,448,533 |
| Pantos Holdings Inc (ii) | 9,768,000,000 | 19,008,000,000 |
| Zim Intergrated Shipping Services Ltd | 35,580,212,365 | - |
| Nợ thuê tài chính dài hạn | 171,895,929,447 | 254,262,199,252 |
| BEACON INTERMODAL LEASING | - | 82,836,114,480 |
| CAI INTERNATIONAL, INC | 76,342,463,340 | 34,061,947,081 |
| SEACO GLOBAL LIMITED | 25,479,019,698 | 37,230,195,144 |
| SEACUBE CONTAINERS | 21,579,996,247 | 32,703,777,852 |
| Công ty Cổ Phần Đầu Tư Sao Á D.C | 48,494,450,162 | 67,430,164,695 |
| Cộng | 1,035,392,402,140 | 1,004,423,377,785 |

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

- (i) Vay ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính theo hợp đồng cấp tín dụng trung dài hạn 0056-2020-HDDTD-BVB007 ngày 17/07/2020 để đầu tư dự án tàu container Stellar Willemstadt thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn 3 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn, lãi vay trả theo tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tàu HaiAn View.
- (ii) Vay không có tài sản đảm bảo Pantos Holding Incorporation theo Hợp đồng vay số 01/HĐVV/PANTOS-PANHAIAN ngày 06/03/2020 với số tiền 2.000.000 USD; để bổ sung vốn thực hiện giai đoạn II của Dự án Trung tâm Logistics Pantos - Hải An với lãi suất cố định 5%/năm. Thời hạn khoản vay là 05 năm kể từ ngày đầu tiên nhận khoản vay.
- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau:
 - Hợp đồng tín dụng trung dài hạn 01.2019/HĐCV/VCB-HAIAN ngày 29/05/2019 để đầu tư dự án tàu container VNL Ruby (HaiAn Mind); thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu, kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn, lãi vay trả 3 tháng/ lần. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp gồm: 02 xe nâng nhãn hiệu PPM Terex, cần trục chân đế Kirow Ardelt GmbH, 5 đầu kéo và 5 somi romooc, tàu Hai An Link và tàu VNL Ruby.
 - Vay để thực hiện Dự án đầu tư tàu container do bên vay làm chủ đầu tư với lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được bảo đảm bằng thế chấp tài sản sau đầu tư từ nguồn vốn vay và vốn tự có là Tàu Container HaiAn East.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 01.2021/HĐCV/VCB-XDHA ngày 09/04/2021 để đầu tư Dự án tàu container Hansa Cloppenburg (Haiian West); thời hạn vay 60 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Gốc và lãi vay trả 3 tháng/lần. Khoản vay được bảo đảm bằng các tài sản thế chấp còn hiệu lực tại VCB và tàu Haiian West được hình thành.
 - Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 02.2021/HĐCV/VCB-XDHA ngày 19/05/2021 để đầu tư 02 xe nâng Karmal (H14+15); thời hạn vay 60 tháng. Gốc và lãi vay trả 3 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng thế chấp tài sản sau đầu tư.
 - Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư tàu Container MARINE BIA số 01.2022/HĐCV/VCB-XDHA ngày 25/03/2022, số tiền vay tối đa là 341.950.000.000 VND, thời hạn vay 60 tháng (5 năm) kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên là ngày 25/03/2022. Nợ gốc và lãi được thanh toán 3 tháng /lần, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 25/09/2022. Khoản vay được bảo đảm bằng tàu HAIAN CITY.
 - Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư tàu Container A KIBO số 02.2022/HĐCV/VCB-XDHA ngày 08/11/2022, số tiền vay tối đa là 280.000.000.000 VND, thời hạn vay 60 tháng (5 năm) kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên là ngày 08/11/2022. Nợ gốc và lãi được thanh toán 3 tháng /lần, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 08/05/2023. Khoản vay được bảo đảm bằng tàu HAIAN ROSE.
 - Hợp đồng vay số 01/2018/VCB-PANHAIAN ngày 12/09/2018 để thực hiện Dự án Logistics Pantos- Hải An số tiền vay tối đa là 300 tỷ đồng, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai thuộc Dự án (bao gồm: Tài sản gắn liền với đất, máy móc, thiết bị/ xe máy chuyên dùng, phương tiện vận tải).
- (iv) Thuê tài chính Công ty Beacon Intermodal Leasing LLC theo hợp đồng Lease Schedule No. HCT-002 ngày 01/11/2019 để thực hiện Dự án Thuê mua Tài chính TSCĐ hữu hình lô 300 container 40HC (với tổng giá trị thuê 05 năm từ ngày 01 tháng 02 năm 2020 là 1.090.719 USD tương đương 25.419.206.295 VND). Thời hạn thuê 60 tháng kể từ 01/02/2020. Hợp đồng số HCT-003 ký ngày 14/04/2021, 300cont 40 HC thời hạn 5 năm, thời gian thuê từ ngày 1/08/2021 giá trị 52.729.895.933 tương đương 2.306.645 USD. Kết thúc thời hạn thuê, Công ty sẽ mua lại toàn bộ lô 300 container 40HC của bên cho thuê với giá 1USD/cont.

Thuê tài chính Công ty Seacube container LLC theo hợp đồng Lease Schedule No. HATS001 ngày 12/11/2020 để thực hiện Dự án Thuê mua Tài chính TSCĐ hữu hình lô 300 container 40HC và 300 container 20HC (với tổng giá trị thuê 05 năm từ ngày 01 tháng 07 năm 2021 là 2.683.779 USD tương đương 61.351.197.349 VND). Thời hạn thuê 60 tháng kể từ 01/07/2021. Kết thúc thời hạn thuê, Công ty sẽ mua lại toàn bộ lô 600 container 40HC và 20HC của bên cho thuê với giá 1USD/cont.

Thuê tài chính Công ty Conatiner Applications Limited theo hợp đồng Lease Schedule No. HAIN-550 ngày 12/05/2021 để thực hiện Dự án Thuê mua Tài chính TSCĐ hữu hình lô 300 container 20HC và 200 container 40HC (với tổng giá trị thuê 05 năm từ ngày 01 tháng 04 năm 2021 là 2.714.387 USD tương đương 62.005.833.117 VND). Thời hạn thuê 60 tháng kể từ 01/07/2021. Kết thúc thời hạn thuê, Công ty sẽ mua lại toàn bộ lô 500 container 40HC và 20HC của bên cho thuê với giá 1USD/cont.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|----------------------|--------------------------|--------------------------|
| Từ 1 năm trở xuống | 281,027,009,690 | 261,186,439,119 |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 917,392,402,140 | 985,563,007,605 |
| Trên 5 năm | 118,000,000,000 | 18,860,370,180 |
| Cộng | 1,316,419,411,830 | 1,265,609,816,904 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

| | Vay dài hạn các tổ chức khác | Vay dài hạn ngân hàng | Nợ thuê tài chính | Cộng |
|---|------------------------------|------------------------|------------------------|--------------------------|
| Số đầu năm | 19,008,000,000 | 731,153,178,533 | 254,262,199,252 | 1,004,423,377,785 |
| Số tiền vay phát sinh trong kỳ | 35,580,212,365 | 316,984,500,000 | - | 352,564,712,365 |
| Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả | (9,704,000,000) | (229,989,418,205) | (82,366,269,805) | (322,059,688,010) |
| CLTG đánh giá lại cuối kỳ | 464,000,000 | - | - | 464,000,000 |
| Số cuối năm | 45,348,212,365 | 818,148,260,328 | 171,895,929,447 | 1,035,392,402,140 |

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

21. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến tiền bồi thường hàng hỏng.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Số đầu năm | Tăng do trích lập từ lợi nhuận | Chi quỹ trong năm | Số cuối kỳ |
|--------------------------------------|-----------------------|--------------------------------|-------------------------|------------------------|
| Quỹ khen thưởng phúc lợi | 46,986,483,407 | 50,357,362,985 | (7,447,302,400) | 89,896,543,992 |
| Quỹ Hội đồng quản trị, ban điều hành | 20,517,244,434 | 20,241,000,000 | (6,692,000,000) | 34,066,244,434 |
| Cộng | 67,503,727,841 | 70,598,362,985 | (14,139,302,400) | 123,962,788,426 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23. Vốn chủ sở hữu

23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Cộng |
|---|--------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|--------------------------|
| Số đầu năm trước | 487,827,510,000 | 191,640,648,159 | 280,492,385,617 | 591,761,088,614 | 350,308,330,027 | 1,902,029,962,417 |
| Chia cổ tức bằng cổ phiếu | 195,130,660,000 | - | - | (195,130,660,000) | - | - |
| Tăng vốn trong năm - ESOP | 20,488,500,000 | - | - | - | - | 20,488,500,000 |
| Tăng do mua Công ty con | - | - | - | - | 31,988,452,205 | 31,988,452,205 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | 821,937,122,836 | 218,856,110,867 | 1,040,793,233,703 |
| Trích lập các quỹ | - | - | 110,056,396,973 | (144,414,676,368) | (5,438,412,476) | (39,796,691,871) |
| Chia cổ tức năm 2019 | - | - | - | (48,782,751,000) | (19,800,000,000) | (68,582,751,000) |
| Số dư cuối năm trước | 703,446,670,000 | 191,640,648,159 | 390,548,782,590 | 1,025,370,124,082 | 575,914,480,623 | 2,886,920,705,454 |
| Số dư đầu năm nay | 703,446,670,000 | 191,640,648,159 | 390,548,782,590 | 1,025,370,124,082 | 575,914,480,623 | 2,886,920,705,454 |
| Tăng vốn bằng tiền | - | - | - | - | 22,593,900,000 | 22,593,900,000 |
| Trả cổ tức bằng cổ phiếu | 351,722,140,000 | - | - | - | - | 351,722,140,000 |
| Tăng/giảm khác do tính lại tỷ lệ sở hữu | - | - | 3,591,785,961 | 59,384,424,412 | (24,209,444,927) | 38,766,765,446 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | - | 384,900,627,309 | (13,669,356,980) | 371,231,270,329 |
| Trích lập các quỹ | - | - | 269,433,187,987 | (329,507,222,784) | (10,524,328,188) | (70,598,362,985) |
| Cổ tức, lợi nhuận chi trả trong kỳ | - | - | - | (387,284,595,800) | (27,237,544,200) | (414,522,140,000) |
| Số dư cuối kỳ | 1,055,168,810,000 | 191,640,648,159 | 663,573,756,538 | 752,863,357,219 | 522,867,706,328 | 3,186,114,278,244 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23b. Chi tiết góp vốn của chủ sở hữu

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|------------------------|--------------------------|------------------------|
| Vốn góp của chủ sở hữu | 1,055,168,810,000 | 703,446,670,000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 191,640,648,159 | 191,640,648,159 |
| Cổ phiếu quỹ | - | - |
| Cộng | 1,246,809,458,159 | 895,087,318,159 |

23c. Cổ phiếu

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 105,516,881 | 70,344,667 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng | 105,516,881 | 70,344,667 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 105,516,881 | 70,344,667 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 105,516,881 | 70,344,667 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 105,516,881 | 70,344,667 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23d. Phân phối lợi nhuận

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 số 0106-2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023 như sau:

| | VND |
|---|-------------------|
| • Chia cổ tức cho các cổ đông bằng tiền | : 0 |
| • Chia cổ tức cho các cổ đông bằng cổ phiếu | : 351,723,330,000 |
| • Trích quỹ đầu tư phát triển | : 202,411,000,000 |
| • Trích quỹ Hội đồng quản trị | : 20,241,000,000 |
| • Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | : 26,988,000,000 |

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-----------------|--------------|--------------|
| Dollar Mỹ (USD) | 2,008,332.84 | 5,918,222.65 |
| Euro (EUR) | 258.61 | 269.07 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

| | Quý 4 năm nay | Quý 4 năm trước |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu hoạt động khai thác cảng | 90,899,629,855 | 77,014,143,543 |
| Doanh thu hoạt động khai thác tàu | 702,026,416,453 | 804,707,065,353 |
| Doanh thu hoạt động khác | 123,998,795,547 | 160,117,677,213 |
| Loại trừ nội bộ | (252,160,540,239) | (196,473,430,814) |
| Cộng | 664,764,301,616 | 845,365,455,295 |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ khai thác cảng, khai thác tàu và cho thuê tài sản cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức | 6,566,612,786 | 7,905,699,276 |
| Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng | 27,226,926,617 | 56,509,618,309 |
| Chi nhánh Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh | 47,857,037 | 255,079,548 |
| Công ty Cổ Phần Đầu Tư Sao Á D.C | 62,101,011 | |
| Chi nhánh Công ty TNHH "K"Line (Việt Nam) tại TP Hải Phòng | | 1,346,945,779 |

2. Giá vốn hàng bán

| | Quý 4 năm nay | Quý 4 năm trước |
|----------------------------|------------------------|------------------------|
| Giá vốn của hoạt động cảng | 49,630,833,432 | 44,634,530,752 |
| Giá vốn của hoạt động tàu | 661,248,369,146 | 615,110,654,951 |
| Giá vốn hoạt động khác | 91,624,215,515 | 110,445,779,750 |
| Loại trừ nội bộ | (250,886,601,416) | (195,701,160,884) |
| Cộng | 551,616,816,677 | 574,489,804,569 |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Quý 4 năm nay | Quý 4 năm trước |
|---|----------------------|-----------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 6,429,923,304 | 6,270,973,671 |
| Lãi tiền cho vay | - | 3,858,575,344 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 180,044,000 | 30,000,000,000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | (2,436,696,648) | 4,967,835,060 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 2,768,620,878 | (1,221,958,763) |
| Cộng | 6,941,891,534 | 43,875,425,312 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

| | <u>Quý 4 năm nay</u> | <u>Quý 4 năm trước</u> |
|--|-----------------------|------------------------|
| Chi phí lãi vay | 16,769,888,733 | 20,272,785,462 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 1,026,712,962 | 1,898,472,004 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 6,509,162,639 | 14,162,137,524 |
| Chênh lệch đánh giá lại khoản mục đầu tư | - | 16,134,840,338 |
| Cộng | 24,305,764,334 | 52,468,235,328 |

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Quý 4 năm nay</u> | <u>Quý 4 năm trước</u> |
|--|-----------------------|------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 20,530,886,226 | 15,520,301,472 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 558,343,792 | 440,169,619 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 557,434,464 | 440,542,461 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 829,779,736 | 515,492,349 |
| Thuế, phí và lệ phí | 32,530,996 | 32,428,010 |
| Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi | (36,642,145) | 21,420,792 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3,033,850,452 | 2,853,876,558 |
| Các chi phí khác | 7,791,537,312 | 11,789,694,036 |
| Cộng | 33,297,720,833 | 31,613,925,297 |

6. Thu nhập khác

| | <u>Quý 4 năm nay</u> | <u>Quý 4 năm trước</u> |
|--|----------------------|------------------------|
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 82,879,547 | - |
| Tiền bồi thường | 5,060,562,195 | 352,045,776 |
| Xử lý công nợ | 26,487,279 | 1,289,366,392 |
| Thu nhập khác | 1,979,694,839 | 79,704,695 |
| Cộng | 7,149,623,860 | 1,721,116,863 |

7. Chi phí khác

| | <u>Quý 4 năm nay</u> | <u>Quý 4 năm trước</u> |
|----------------------------|----------------------|------------------------|
| Thuế bị phạt, bị truy thu | 9,920,389,591 | 178,928 |
| Chi khắc phục tổn thất tàu | - | 120,750,000 |
| Phạm vi phạm hành chính | - | 18,099,886 |
| Xử lý công nợ | 14,573,139 | 26,270,320 |
| Chi phí khác | 41,602,654 | 304,622,479 |
| Cộng | 9,976,565,384 | 469,921,613 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 384,900,627,309 | 821,937,122,836 |
| Trích quỹ khen thưởng, quỹ HDQT (i) | (29,612,000,000) | (47,229,000,000) |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 355,288,627,309 | 774,708,122,836 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 105,517,000 | 103,692,682 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 3,367 | 7,471 |

- (i) Quỹ khen thưởng, quỹ Hội đồng quản trị năm 2023 được tạm tính bằng tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, quỹ HDQT theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 20 tháng 6 năm 2023 (7%) trên lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ.

Số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ được tính như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 70,344,667 | 48,782,751 |
| Ảnh hưởng của việc phát hành 2.048.850 cổ phiếu phổ thông cho người lao động tháng 11 năm 2022 | | 224,532 |
| Ảnh hưởng của trả 35.172.333 cổ tức bằng cổ phiếu ngày 8/8/2023 | 35,172,333 | 35,172,333 |
| Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng 19.513.066 cổ phiếu phổ thông ngày 01/7/2022 | | 19,513,066 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 105,517,000 | 103,692,682 |

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|--------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 790,566,512,726 | 663,077,925,656 |
| Chi phí nhân công | 268,433,117,190 | 227,542,715,691 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 370,419,348,901 | 278,066,256,436 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 383,298,077,609 | 583,263,891,046 |
| Chi phí khác | 314,284,478,770 | 145,679,433,909 |
| Cộng | 2,127,001,535,196 | 1,897,630,222,738 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| Kỳ này | Tiền lương | Thù lao | Tiền thưởng | Cộng |
|--|----------------------|--------------------|----------------------|-----------------------|
| Ông Vũ Ngọc Sơn – Nguyên Chủ tịch HĐQT | 1,658,904,615 | 120,000,000 | 2,355,945,940 | 4,134,850,555 |
| Ông Vũ Thanh Hải – Chủ tịch HĐQT | 1,537,720,000 | 120,000,000 | 1,126,867,406 | 2,784,587,406 |
| Ông Nguyễn Ngọc Tuấn – Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc | 1,305,191,200 | 120,000,000 | 1,049,865,600 | 2,475,056,800 |
| Ông Phạm Quang Khánh – Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc | 969,693,600 | | 493,105,729 | 1,462,799,329 |
| Ông Vũ Doãn Hạnh- Phó Tổng Giám đốc | 924,570,000 | | 455,690,609 | 1,380,260,609 |
| Bà Trần Thị Thanh Hào - Kế toán trưởng | 643,531,489 | | 327,354,088 | 970,885,577 |
| Ông Trần Quang Tiến - Thành viên HĐQT | | 120,000,000 | 290,000,000 | 410,000,000 |
| Ông Trần Tiến Dũng - Thành viên HĐQT | | | | |
| Bà Trần Thị Hải Yến - Thành viên HĐQT | | 120,000,000 | 290,000,000 | 410,000,000 |
| Ông Nguyễn Đức Kiên - Thành viên HĐQT | | | | |
| Ông Nguyễn Văn Trúc - Thành viên HĐQT | | | | |
| Bà Nguyễn Thị Vân- Thành viên HĐQT | 435,730,000 | 120,000,000 | 455,130,000 | 1,010,860,000 |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Tú - Trưởng Ban kiểm soát | | 60,000,000 | 104,000,000 | 164,000,000 |
| Bà Trần Thị Thơm - Thành viên Ban kiểm soát | | 60,000,000 | 66,000,000 | 126,000,000 |
| Ông Bùi Việt Phương - Thành viên Ban kiểm soát | | | | |
| Ông Nguyễn Xuân Lộc - Thành viên Ban kiểm soát | | 60,000,000 | 66,000,000 | 126,000,000 |
| | 7,475,340,904 | 900,000,000 | 7,079,959,372 | 15,455,300,276 |

| Kỳ trước | Tiền lương | Thù lao | Tiền thưởng | Cộng thu nhập |
|---|---------------|-------------|---------------|---------------|
| Ông Vũ Ngọc Sơn – Chủ tịch HĐQT | 1,860,738,462 | 120,000,000 | 1,537,589,939 | 3,518,328,401 |
| Ông Vũ Thanh Hải – Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc | 1,176,240,000 | 120,000,000 | 1,053,591,174 | 2,349,831,174 |
| Ông Nguyễn Ngọc Tuấn – Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc | 939,891,400 | 120,000,000 | 802,410,900 | 1,862,302,300 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | | | | |
|---|----------------------|--------------------|----------------------|-----------------------|
| Ông Trần Quang Tiến - Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc | | 120,000,000 | 90,000,000 | 210,000,000 |
| Bà Trần Thị Hải Yến - Thành viên HĐQT | | 120,000,000 | 90,000,000 | 210,000,000 |
| Bà Nguyễn Thị Vân- Thành viên HĐQT | 415,150,000 | 133,200,000 | 239,200,000 | 787,550,000 |
| Ông Phạm Quang Khánh - Phó Tổng Giám đốc | 1,268,074,987 | | | 1,268,074,987 |
| Ông Vũ Doãn Hạnh- Phó Tổng Giám đốc | 761,760,000 | | 495,382,404 | 1,257,142,404 |
| Ông Trần Tiến Dũng - Phó Tổng Giám đốc | 314,400,000 | | 84,965,277 | 399,365,277 |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Tú - Trưởng Ban kiểm soát | 25,000,000 | 60,000,000 | 72,000,000 | 157,000,000 |
| Bà Trần Thị Thơm - Thành viên Ban kiểm soát | | 60,000,000 | 36,000,000 | 96,000,000 |
| Ông Nguyễn Xuân Lộc - Thành viên Ban kiểm soát | | 60,000,000 | 36,000,000 | 96,000,000 |
| Bà Trần Thị Thanh Hào - Kế toán trưởng | 620,050,000 | | 406,218,964 | 1,026,268,964 |
| | 7,381,304,849 | 913,200,000 | 4,943,358,658 | 13,237,863,507 |

1a. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|--|--|
| Công ty TNHH Cảng Hải An | Công ty con |
| Công ty TNHH Vận tải Container Hải An | Công ty con |
| Công ty TNHH Pan Hải An | Công ty con |
| Công ty TNHH liên doanh Zim Hải An | Công ty con |
| Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An | Công ty con của Công ty con |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An | Công ty con của Công ty con |
| Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần vận tải biển An Biên | Công ty liên kết của Công ty con |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà | Cổ đông lớn cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty TNHH "K" Line Logistic (Việt Nam) Ltd. | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty cổ phần đầu tư Sao Á D.C | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty cổ phần Cung ứng và Dịch vụ kỹ thuật hàng hải | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty TNHH Quĩ TM Holding | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2a cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà | | |
| Trả cổ tức | | 5,567,500,000 |
| Chi phí thuê văn phòng | 2,813,933,101 | 3,593,588,486 |
| Nhận vốn góp BCC | | 27,100,000,000 |
| Trả lại vốn góp BCC | | - |
| Chia lợi nhuận BCC | 55,697,669,449 | 70,087,087,492 |
| Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức | | |
| Trả cổ tức | 27,046,500 | 1,722,060,000 |
| Nhận vốn góp BCC | | 45,200,000,000 |
| Trả góp vốn BCC | | - |
| HACT chia lợi nhuận | 5,200,000,000 | 5,200,000,000 |
| Chia lợi nhuận BCC | 59,244,554,308 | 58,587,552,018 |
| Sử dụng dịch vụ | 31,889,521,839 | 33,526,364,769 |
| Chia lãi | 4,500,000,000 | - |
| Lãi cho vay | | 84,821,917 |
| Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng | | |
| Sử dụng dịch vụ cty liên kết | | - |
| HACT sử dụng dịch vụ đại lý | 71,060,705 | 342,555,560 |
| Chi nhánh Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh | | |
| HATS sử dụng dịch vụ | 98,181,822 | 57,272,725 |
| Sử dụng dịch vụ | 33,979,216,699 | 33,176,226,110 |
| Công ty cổ phần đầu tư Sao Á D.C | | |
| Sao Á D.C chuyển lỗ tàu HAC | 17,853,745,525 | |
| Sử dụng dịch vụ | 20,569,725,840 | 15,803,564,170 |

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.6a, V.14, V.18.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Hoạt động khai thác cảng
- Lĩnh vực 02: Hoạt động khai thác tàu.
- Lĩnh vực 03: Hoạt động khác (gồm: vận tải đường bộ, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản...)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Hoạt động khai thác cảng | Hoạt động khai thác tàu | Các lĩnh vực khác | Loại trừ nội bộ | Cộng |
|---|--------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này năm nay | | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 320,829,169,605 | 2,774,592,750,858 | 487,313,720,721 | (970,045,907,526) | 2,612,689,733,658 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | | | | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 320,829,169,605 | 2,774,592,750,858 | 487,313,720,721 | (970,045,907,526) | 2,612,689,733,658 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 147,800,377,249 | 334,875,782,384 | 133,456,101,291 | (5,111,685,012) | 611,020,575,912 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | | (125,332,377,450) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | | 485,688,198,462 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | | 30,087,417,514 |
| Chi phí tài chính | | | | | (83,670,942,449) |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | | | | | 28,355,754,215 |
| Thu nhập khác | | | | | 14,143,023,915 |
| Chi phí khác | | | | | (11,153,674,709) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | | (92,218,506,619) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | 371,231,270,329 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 55,035,434,544 | 839,039,052,648 | 12,059,986,970 | - | 906,134,474,162 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 27,767,835,448 | 382,432,120,680 | 34,675,665,516 | | 444,875,621,644 |
| Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn) | | | | | |
| Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này năm trước | | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 326,929,385,436 | 3,212,126,917,048 | 456,223,748,255 | (789,669,984,575) | 3,205,610,066,164 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | | | | | |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 326,929,385,436 | 3,212,126,917,048 | 456,223,748,255 | (789,669,984,575) | 3,205,610,066,164 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 144,790,083,891 | 1,133,654,521,603 | 147,552,919,139 | -4,252,747,341 | 1,421,744,777,292 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | | (113,764,933,866) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | | 1,307,979,843,426 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | | 38,702,889,553 |
| Chi phí tài chính | | | | | (76,323,593,746) |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết | | | | | 29,339,272,188 |
| Thu nhập khác | | | | | 5,603,455,788 |
| Chi phí khác | | | | | (32,885,613,998) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | | (231,623,019,508) |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | | | | |
|---|-----------------------|--------------------------|-----------------------|--------------------------|
| <i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i> | | | | <u>1,040,793,233,703</u> |
| <i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i> | <u>18,161,932,963</u> | <u>1,511,362,985,240</u> | <u>1,878,712,987</u> | <u>1,531,403,631,190</u> |
| <i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i> | <u>23,916,262,366</u> | <u>174,163,695,995</u> | <u>20,137,240,532</u> | <u>218,217,198,893</u> |
| <i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i> | | | | |

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

| | <u>Hoạt động khai thác cảng</u> | <u>Hoạt động khai thác tàu</u> | <u>Các lĩnh vực khác</u> | <u>Cộng</u> |
|--|---------------------------------|--------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Số cuối kỳ | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | <u>218,915,068,295</u> | <u>4,116,828,099,898</u> | <u>640,236,837,736</u> | <u>4,975,980,005,929</u> |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | | | | |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | <u>393,132,421,144</u> |
| Tổng tài sản | | | | <u>5,369,112,427,073</u> |
| Nợ phải trả | | | | |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | <u>33,349,191,530</u> | <u>1,604,195,437,161</u> | <u>343,166,426,214</u> | <u>1,980,711,054,905</u> |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | | | | |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | <u>202,287,093,924</u> |
| Tổng nợ phải trả | | | | <u>2,182,998,148,829</u> |
| Số đầu năm | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | <u>200,060,158,880</u> | <u>3,271,400,971,792</u> | <u>694,374,677,284</u> | <u>4,165,835,807,956</u> |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | | | | |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | <u>883,583,689,120</u> |
| Tổng tài sản | | | | <u>5,049,419,497,076</u> |
| Nợ phải trả | | | | |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | <u>24,449,683,398</u> | <u>1,157,092,351,843</u> | <u>604,702,106,297</u> | <u>1,786,244,141,538</u> |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | | | | |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | <u>376,254,650,084</u> |
| Tổng nợ phải trả | | | | <u>2,162,498,791,622</u> |

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ báo cáo yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hảo

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hảo

Lập, ngày 29 tháng 01 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

